## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

| **A. Các quy định chung** | |
|---|---|
| **E-ĐKC 1.4** | Chủ đầu tư là: Ủy ban nhân dân xã Thiên Lộc (Địa chỉ: Thôn Bầu, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội)<br>Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Thiên Lộc (Địa chỉ: Thôn Bắc xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội) theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của UBND xã Thiên Lộc về việc giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý dự án Đầu tư- Hạ tầng |
| **E-ĐKC 1.7** | Công trình bao gồm Toàn bộ hạng mục, nội dung công việc theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt thuộc dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường số 4 thôn Mạch Lũng. |
| **E-ĐKC 1.10** | Địa điểm Công trường tại xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội và được xác định trong Bản vẽ số Chi tiết tại Hồ sơ thiết kế được duyệt; |
| **E-ĐKC 1.16** | Ngày hoàn thành là: Là khoảng thời gian tính từ ngày bàn giao mặt bằng đến khi các hạng mục của gói thầu được nghiệm thu đưa vào sử dụng; |
| **E-ĐKC 1.17** | Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Là khoảng thời gian thi công của nhà thầu theo hồ sơ dự thầu đối với các hạng mục của gói thầu kể từ khi được bàn giao mặt bằng đến khi các hạng mục của gói thầu được nghiệm thu đưa vào sử dụng. |
| **E-ĐKC 1.18** | Ngày khởi công là: Ngày bàn giao mặt bằng |
| **E-ĐKC 1.19** | Nhà thầu là: Theo Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. |
| **E-ĐKC 1.29** | - Tư vấn quản lý dự án: Không áp dụng<br>- Tư vấn giám sát là: Theo Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu |
| **E-ĐKC 2.1** | Hoàn thành từng phần: Theo quy định khoản 2 Điều 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP; khoản 1 Điều 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP (sửa đổi tại điểm a khoản 5 Điều 11 Nghị định 35/2023/NĐ-CP); khoản 6 |

| | |
|---|---|
| | Điều 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP; khoản 7 Điều 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP; |
| **E-ĐKC 2.3(i)** | Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Chỉ dẫn kỹ thuật; |
| **E-ĐKC 5.2** | - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.<br>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.<br>- Thời gian gửi bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày làm việc sau khi cả hai bên đã ký hợp đồng.<br>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong. |
| **E-ĐKC 5.4** | Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định. Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực và các trường hợp không sửa chữa kịp thời các sai sót hoặc không khắc phục những lỗi, vi phạm đối với bên thứ ba trong quá trình thi công. |
| **E-ĐKC 8.2(d)** | Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu. |
| **E-ĐKC 8.8(a)** | Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường |
| **E-ĐKC 8.11** | Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp. |
| **E-ĐKC 9.3** | Nhà thầu tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan. |

| | |
|---|---|
| **E-ĐKC 11.1** | Danh sách nhà thầu phụ:_____ *[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].* |
| **E-ĐKC 11.2** | Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng. |
| **E-ĐKC 11.4** | Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ:<br>- Nhà thầu phụ do Đại diện chủ đầu tư chỉ định (nếu có):<br>+ Nhà thầu phụ do Đại diện chủ đầu tư chỉ định khi Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Đại diện chủ đầu tư đã yêu cầu.<br>+ Nhà thầu có quyền từ chối Nhà thầu phụ do Đại diện chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng Nhà thầu phụ do Đại diện chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng.<br>- Đại diện Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu. |
| **E-ĐKC 19.1** | Yêu cầu về bảo hiểm:<br>- Đại diện Chủ đầu tư phải mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định. Đại diện Chủ đầu tư đã mua bảo hiểm công trình, khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình, mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Nhà thầu, Nhà thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Đại diện Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Nhà thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Nhà thầu được bồi thường thì Nhà thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Chủ đầu tư và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm;<br>- Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3. |
| **E-ĐKC 20.1(a)** | Thời gian bảo hành công trình:<br>Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:<br>- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng.<br>- Trường hợp, Đại diện Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Đại diện Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng |

| | |
|---|---|
| | 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành và phải do một thể nhân hoặc pháp nhân cấp và phải theo mẫu quy định và phải được Đại diện Chủ đầu tư chấp thuận.<br>- Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 05 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên. |
| **E-ĐKC 21** | Thông tin về Công trường là: Cụ thể hóa trong quá trình hoàn thiện hợp đồng; |
| **E-ĐKC 24** | Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày bàn giao mặt bằng |
| **E-ĐKC 27.2** | Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa không quá 28 ngày.<br>Giải quyết tranh chấp: Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. |
| **B. Quản lý thời gian** | |
| **E-ĐKC 28** | - Ngày khởi công: _____*[ghi ngày dự định khởi công]*.<br>- Ngày hoàn thành dự kiến*:*_____ *[ghi ngày hoàn thành dự kiến]*. |
| **E-ĐKC 29.1** | Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 10 ngày từ ngày ký Hợp đồng. |
| **E-ĐKC 29.4** | - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 07 ngày sau ngày bắt đầu công việc.<br>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 0 VND. |
| **E-ĐKC 30.7** | Các trường hợp khác: Cụ thể hóa trong quá trình hoàn thiện hợp đồng; |

| | |
|---|---|
| **C. Quản lý chất lượng** | |
| **E-ĐKC 33.2** | Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định. |
| **D. Quản lý chi phí** | |
| **E-ĐKC 40** | Loại hợp đồng: Đơn giá cố định |
| **E-ĐKC 41.1** | Giá hợp đồng: Cố định |
| **E-ĐKC 42.1** | - Tạm ứng: Căn cứ theo kế hoạch vốn được giao, CĐT sẽ tạm ứng tối đa 30% giá trị HĐ sau khi NT nộp đủ bảo lãnh tạm ứng và được quy định cụ thể trong bước thương thảo, hoàn thiện HĐ. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi Chủ đầu tư thu hết số tiền tạm ứng. Thời gian nộp bảo lãnh tiền tạm ứng tối đa là 07 ngày kể từ nhà có văn bản yêu cầu của chủ đầu tư. Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn);<br>- Thời gian tạm ứng:<br>+ Việc tạm ứng được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực và chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu (đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng) với giá trị tương đương của khoản tiền tạm ứng;<br>+ Tạm ứng được tiến hành 1 hoặc nhiều lần không được vượt giá trị tạm ứng ở mức tối đa (trừ trường hợp người có thẩm quyền cho phép tạm ứng cao hơn). |
| **E-ĐKC 44.1** | Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của nhà thầu với điều kiện dự án được cấp có thẩm quyền bố trí vốn.<br>- Số lần thanh toán: Không giới hạn số lần thanh toán.<br>+ Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá trong hợp đồng. Đối với những khối lượng tăng hai bên ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở thanh toán. |

| | |
|---|---|
| | + Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu tối đa đến 95% (giữ lại 5% bảo hành) giá trị khối lượng nghiệm thu hoàn thành của các đợt thanh toán (bao gồm cả thanh toán và thu hồi tạm ứng).<br>+ Sau khi công trình được bàn giao đưa vào sử dụng và có bảo lãnh của Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu giá trị giữ lại bảo hành tương đương 5% giá trị khối lượng nghiệm thu hoàn thành của các đợt thanh toán. |
| **E-ĐKC 45** | Điều chỉnh thuế: được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng. |
| **E-ĐKC 46.1** | Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 0% |
| **E-ĐKC 47.1(d)** | Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Không áp dụng |
| **E-ĐKC 47.7** | Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng. |
| **E-ĐKC 49.1** | Mức phạt:<br>- Khi nhà thầu vi phạm không đảm bảo các quy định một trong các lỗi về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và theo các nội dung nhà thầu đã đề xuất trong HSDT thì mức phạt là 50.000.000 VND/01 lần vi phạm;<br>- Bên cạnh việc chịu mức phạt theo thỏa thuận, bên vi phạm còn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm và bên thứ ba (nếu có) theo quy định của Luật Xây dựng hoặc luật pháp liên quan khác.<br>+ Đối với nhà thầu: Phạt 0,1% giá trị phần khối lượng bị chậm tiến độ cho mỗi ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.<br>+ Đối với chủ đầu tư: Không áp dụng. |
| **E-ĐKC 49.2** | Bồi thường thiệt hại: Áp dụng:<br>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; |
| **E-ĐKC 49.3** | Thưởng hợp đồng: Không áp dụng. |

| | **E. Kết thúc hợp đồng** |
|---|---|
| **E-ĐKC 54** | Thời gian bàn giao công trình: Khi được cấp có thẩm quyền về chuyên ngành, lĩnh vực và cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo chấp thuận nghiệm thu. |
| **E-ĐKC 55.1** | Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình. |
| **E-ĐKC 55.2** | Số tiền giữ lại: 682.000.000 VND |
| **E-ĐKC 56.1(a)** | Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng. |